

Giữ danh mục này cho các đơn đặt hàng trong tương lai.

Danh Mục Thực Phẩm 2026



Nhận các sản phẩm được giao đến tận nhà của quý vị miễn phí!



Clever Care[™]
HEALTH PLAN

nations benefits

CleverCare.NationsBenefits.com

Cá nhân hóa việc mua sắm của quý vị với NationsBenefits®



Xin chào, Thành viên Đáng quý:

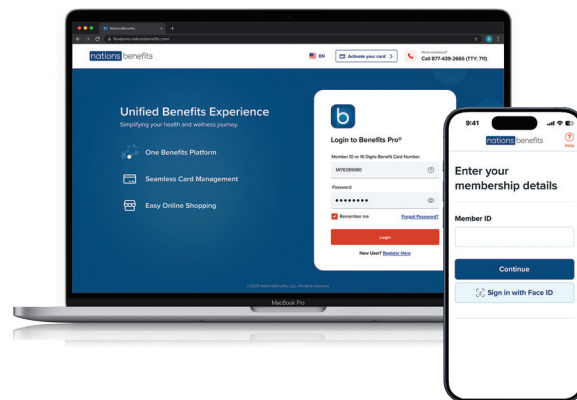
Chúng tôi muốn nhân cơ hội này để chào đón quý vị và cảm ơn quý vị đã chọn chương trình **Clever Care Health Plan** để tham gia vào việc chăm sóc sức khỏe của quý vị. Quý vị có các quyền lợi về Hàng tạp hóa, thực phẩm chế biến sẵn và sản phẩm tươi thông qua **NationsBenefits®** cho phép quý vị tiếp cận hàng trăm sản phẩm thuộc nhiều danh mục khác nhau.

Việc sử dụng trợ cấp quyền lợi của quý vị rất dễ dàng và chúng tôi khuyến khích quý vị giữ danh mục này ở nơi dễ tiếp cận. Tài liệu này bao gồm mẫu đơn đặt hàng và phong bì đã trả bưu phí để thuận tiện cho quý vị.

Quý vị cũng có quyền truy cập vào **Cổng thông tin và Ứng dụng Benefits Pro®** được cá nhân hóa, giúp việc đặt hàng trở nên dễ dàng hơn. Bắt đầu bằng cách tải xuống ứng dụng hoặc truy cập **CleverCare.Nationsbenefits.com** và đăng nhập vào tài khoản của quý vị. Nếu đây là lần đầu tiên quý vị sử dụng Benefits Pro, hãy làm theo lời nhắc để đăng ký tài khoản và đăng nhập.

Sau khi đã đăng nhập, quý vị có thể dễ dàng:

- **Truy cập** tính năng đặt hàng trực tuyến
- **Kiểm tra** đầy đủ điều kiện sử dụng sản phẩm và dịch vụ
- **Xem** số dư khả dụng và lịch sử giao dịch
- **Cập nhật** thông tin tài khoản cá nhân
- **Tìm** thông tin nhà bán lẻ tham gia chương trình



Nếu quý vị cần trợ giúp với Cổng thông tin Benefits Pro™ hoặc đặt hàng, vui lòng gọi **833-388-8168 (TTY: 711)**. Đại diện Dịch vụ Hội viên luôn sẵn sàng:

Ngày 1 Tháng Mười - Ngày 31 Tháng Ba từ 8 giờ sáng-8 giờ tối bảy ngày trong tuần

Ngày 1 Tháng Tư - Ngày 30 Tháng Chín từ 8 giờ sáng-8 giờ tối Thứ Hai-Thứ Sáu.

Dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ có sẵn và miễn phí nếu cần.

Trân trọng,

Nhóm NationsBenefits của quý vị

Thông tin hữu ích về quyền lợi



Quý vị có thể tiết kiệm thời gian và chi phí bằng cách sử dụng trợ cấp Hàng tạp hóa, Thức ăn chế biến sẵn và Sản phẩm tươi sống để đặt mua các mặt hàng cần thiết nhằm cá nhân hóa việc chăm sóc sức khỏe của quý vị. Chúng tôi khuyến khích quý vị chi tiêu toàn bộ trợ cấp trước khi kết thúc giai đoạn quyền lợi của mình.

Thông tin bổ sung về các quyền lợi của quý vị được trình bày dưới đây:



Sử dụng Quyền lợi:

Quyền lợi này chỉ dành cho quý vị và không thể được sử dụng cho gia đình hoặc bạn bè của quý vị.



Tình trạng sẵn có:

Các mặt hàng, số lượng, kích thước và giá trị có thể thay đổi tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của sản phẩm.



Thay thế:

Nếu một mặt hàng hết hàng, một sản phẩm tương tự có giá trị tương đương hoặc cao hơn sẽ được giao hàng.



Giao hàng:

Vui lòng chờ 2 ngày làm việc để nhận được hàng.



Trả lại:

Quý vị không cần gửi trả các sản phẩm muốn hoàn trả về cho NationsBenefits.



Hủy ghi danh:

Nếu quý vị hủy tham gia gói bảo hiểm y tế, các quyền lợi của quý vị sẽ tự động chấm dứt.

Dễ dàng đặt hàng



Chọn tùy chọn đặt hàng phù hợp nhất với quý vị.



Cổng thông tin Benefits Pro®



Để đặt hàng qua Cổng thông tin Benefits Pro®, hãy quét mã QR bằng máy ảnh trên điện thoại thông minh của quý vị hoặc truy cập: **CleverCare.NationsBenefits.com**



Ứng dụng Benefits Pro®



Để đặt hàng qua Ứng dụng Benefits Pro®, hãy quét mã QR bằng điện thoại thông minh của quý vị hoặc tìm kiếm “**Benefits Pro**” trong App Store® hoặc Google Play®.



Gửi thư

Để đặt hàng qua đường bưu điện, hãy gửi mẫu đơn đặt hàng đã hoàn thành của quý vị bằng phong bì đã thanh toán bưu phí đến:

NationsBenefits
1700 N. University Drive
Plantation, FL 33322

Quan trọng: Do có thêm thời gian để nhận yêu cầu của quý vị qua đường bưu điện, chúng tôi khuyến khích quý vị dành thêm thời gian khi đặt hàng. Nếu đơn đặt hàng của quý vị không được nhận trước ngày 20 của tháng, đơn đặt hàng có thể được xử lý cho giai đoạn quyền lợi tiếp theo. Nếu quý vị muốn đơn đặt hàng của mình được áp dụng cho giai đoạn quyền lợi hiện tại, chúng tôi khuyên quý vị nên đặt hàng trực tuyến hoặc qua điện thoại.



Gọi

Để đặt hàng qua điện thoại, vui lòng gọi **833-388-8168 (TTY: 711)**. Các Đại diện Dịch vụ Thành viên làm việc từ: **Ngày 1 Tháng Mười - Ngày 31 Tháng Ba từ 8 giờ sáng-8 giờ tối bảy ngày trong tuần**
Ngày 1 Tháng Tư - Ngày 30 Tháng Chín từ 8 giờ sáng-8 giờ tối Thứ Hai-Thứ Sáu.

Danh mục sản phẩm



Thực phẩm và nông sản	6
Thực phẩm	6
Nông sản tươi	13

Xin lưu ý rằng các mức giá nêu trên không bao gồm thuế bán hàng.

Mục #	Mô tả	Đếm	Giá
Thực Phẩm			
7218	Tiêu Jamaica, 1 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7001	Bơ Hạnh nhân Mịn, 10 oz.	1 đơn vị	\$13.00
7143	Sữa Hạnh nhân, 32 oz.	1 đơn vị	\$7.00
7002	Hạnh nhân, 5 oz.	1 đơn vị	\$7.00
7207	Quả Mơ, 15 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7122	Dầu quả Bơ, 16 oz.	1 đơn vị	\$15.00
7176	Bắp Non, 15 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7152	Đậu Hầm, 16 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7194	Bột Nở, 7 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7195	Baking Soda, 16 oz.	1 đơn vị	\$3.00
7231	Giấm Balsamic, 8 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7006	Thịt bò Hầm, 15 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7007	Mì ống Thịt bò (Beefaroni), 7 oz.	1 đơn vị	\$3.75
7008	Củ cải đường, Cắt lát, 14.5 oz.	1 đơn vị	\$3.25
7111	Đậu Đen, 15 oz.	1 đơn vị	\$2.75
7240	Đậu Mất đen, 15 oz.	1 đơn vị	\$2.50
4477	Sữa lắc Sôcôla Boost®, 8 oz.	6 đơn vị	\$20.00
4478	Sữa lắc Vanilla Boost®, 8 oz.	6 đơn vị	\$20.00
7164	Vụn Bánh mì, 15 oz.	1 đơn vị	\$4.00
7266	Đậu Nướng Bush's® Best, 16 oz.	1 đơn vị	\$4.25
7267	Súp Gà Campbell's®, 10,75 oz.	1 đơn vị	\$4.75
7268	Súp Cà chua Campbell's®, 10,75 oz.	1 đơn vị	\$4.75
7010	Dầu Hạt cải, 16 oz.	1 đơn vị	\$7.50
7127	Cà-rốt, 14.5 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7223	Ớt Cayenne, 1.5 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7011	Cheerios™, 8.9 oz.	1 đơn vị	\$7.50
7269	Cheerios™, Honey Nut, 10 oz.	1 đơn vị	\$8.50
7270	Ravioli nhân thịt Bò Chef Boyardee®, 15 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7012	Thanh Ngũ cốc Chewy, 8.4 oz.	8 đơn vị	\$5.75
7229	Hạt Chia, 1.5 oz.	1 đơn vị	\$2.00
7202	Miếng Ưc Gà, 10 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7225	Súp Mì Gà, 10 oz.	1 đơn vị	\$4.50

Xin lưu ý rằng các mức giá nêu trên không bao gồm thuế bán hàng.

Mục #	Mô tả	Đếm	Giá
Thực phẩm			
7271	Túi cá ngừ hăng Chicken of the Sea® in Spring Water, 2.5 oz.	1 đơn vị	\$2.50
7272	Túi cá ngừ hăng Chicken of the Sea® McCormick® vị thì là, 2.5 oz.	1 đơn vị	\$2.50
7273	Túi cá ngừ hăng Chicken of the Sea® McCormick® vị chanh tỏi, 2.5 oz.	1 đơn vị	\$2.50
7188	Ốt, 15 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7217	Bột Ốt, 2 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7018	Cá ngừ Thái khúc ngâm Nước, 5 oz.	1 đơn vị	\$3.00
7020	Súp Rau củ, 18 oz.	1 đơn vị	\$4.00
7216	Quế, Nghiền, 2 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7021	Súp Nghêu, 18 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7144	Nước Dừa, 16 oz.	1 đơn vị	\$3.25
7098	Kem béo pha cà phê, 16 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7022	Cà-phê, 11 oz.	1 đơn vị	\$9.50
7023	Cà phê, Khử caffein, 11 oz.	1 đơn vị	\$9.50
7129	Cà-phê, Hòa tan Khử caffein, 8 oz.	1 đơn vị	\$12.00
7128	Cà-phê, Hòa tan, 8 oz.	1 đơn vị	\$10.50
4443	Cải Rổ, 14 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7205	Sữa Đặc, 14 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7046	Bình xít Nấu ăn, 5 oz.	1 đơn vị	\$7.00
7150	Ngô, 14 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7130	Ngũ cốc Corn Flakes, 18 oz.	1 đơn vị	\$7.00
7131	Dầu Bắp (Dầu ngô), 16 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7160	Thịt bò Muối, 12 oz.	1 đơn vị	\$8.00
7222	Sốt Nam việt quất, có Thạch, 14 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7192	Kem Súp Gà, 10 oz.	1 đơn vị	\$3.25
7191	Kem Súp Nấm, 10 oz.	1 đơn vị	\$3.25
7226	Kem Súp Khoai tây, 10 oz.	1 đơn vị	\$4.00
7190	Kem Lúa mì, 12 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7274	Đậu cô ve cắt sẵn Del Monte®, 14.5 oz.	1 đơn vị	\$4.00
7275	Đậu Hà Lan ngọt Del Monte®, 15 oz.	1 đơn vị	\$4.00
7276	Ngô nguyên hạt Del Monte®, 15 oz.	1 đơn vị	\$4.00
7277	Cốc Trái cây Dole®, Đào cắt nhỏ, 4 oz.	4 đơn vị	\$6.50
7278	Cốc trái cây Dole®, Lê cắt nhỏ, 4 oz.	4 đơn vị	\$6.50

Xin lưu ý rằng các mức giá nêu trên không bao gồm thuế bán hàng.

Mục #	Mô tả	Đếm	Giá
Thực phẩm			
7279	Cốc trái cây Dole®, Quýt, 4 oz.	4 đơn vị	\$6.50
7280	Cốc Trái cây Hỗn hợp Dole®, 4 oz.	4 đơn vị	\$6.50
7233	Táo khô, 3 oz.	1 đơn vị	\$8.00
7232	Mơ Khô, 6 oz.	1 đơn vị	\$8.00
7234	Chuối Khô, 4 oz.	1 đơn vị	\$8.00
7235	Xoài Khô, 3 oz.	1 đơn vị	\$10.00
7281	Cà phê Dunkin'®, 12 oz.	1 đơn vị	\$17.50
7282	Cà phê không caffeine Dunkin'®, 12 oz.	1 đơn vị	\$17.50
7147	Sữa lắc Sôcôla Ensure®, 8 oz.	6 đơn vị	\$20.00
7146	Sữa lắc Vanilla Ensure®, 8 oz.	6 đơn vị	\$20.00
7211	Dầu Ô-liu Nguyên chất, 8 oz.	1 đơn vị	\$12.00
7283	Ngũ cốc Fiber One®, 19 oz.	1 đơn vị	\$11.50
7212	Bột, Đa năng, 32 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7208	Hỗn hợp Trái cây & Hạt, 6 oz.	1 đơn vị	\$6.00
7024	Cocktail Trái cây, 14.5 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7159	Đậu Garbanzo, 15 oz.	1 đơn vị	\$2.50
7168	Bột Tỏi, 3 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7177	Gelatin, Vị anh đào, 1.4 oz.	1 đơn vị	\$2.25
7178	Gelatin, Vị cam, 1.4 oz.	1 đơn vị	\$2.25
7179	Gelatin, Vị dâu, 1.4 oz.	1 đơn vị	\$2.25
7153	Sữa lắc sôcôla Glucerna®, 8 oz.	6 đơn vị	\$20.00
7148	Sữa lắc Vanilla Glucerna®, 8 oz.	6 đơn vị	\$20.00
7241	Đậu Great Northern, 15 oz.	1 đơn vị	\$2.50
7151	Đậu Đũa, 14 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7242	Ốt Xanh, 4 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7206	Bột Yến mạch Thô, 16 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7220	Giảm bông, Chín, 16 oz.	1 đơn vị	\$8.00
7290	Dưa chua ngọt Heinz®, 12 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7291	Tương cà Heinz®, 20 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7292	Mù tạt Vàng Heinz®, 8 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7293	Sốt Mayonnaise Hellmann's®, 15 oz.	1 đơn vị	\$8.75
7185	Mật ong, 12 oz.	1 đơn vị	\$7.00

Xin lưu ý rằng các mức giá nêu trên không bao gồm thuế bán hàng.

Mục #	Mô tả	Đếm	Giá
Thực phẩm			
7214	Sốt ớt, 3 oz.	1 đơn vị	\$2.00
7032	Khoai tây Nghiền Ăn liền, 13.75 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7033	Thạch, Vị nho, 20 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7034	Thạch, Vị dâu, 20 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7294	Bơ đậu phộng kem béo Jif®, 16 oz.	1 đơn vị	\$6.75
7295	Bơ Đậu phộng Giòn Jif®, 16 oz.	1 đơn vị	\$6.75
7296	Ngũ cốc Kellogg's® Corn Flakes, 18 oz.	1 đơn vị	\$8.50
7154	Tương cà, 20 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7298	Mì Kraft® Macaroni & Cheese, 7.5 oz.	1 đơn vị	\$3.00
7174	Đậu Lima, 15 oz.	1 đơn vị	\$3.00
7257	Nui Macaroni và Phô mai, 7 oz.	1 đơn vị	\$2.50
7186	Mayonnaise, 12 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7183	Bắp rang bơ bỏ Lò vi sóng	3 đơn vị	\$4.00
7121	Sữa, Loại không cần bảo quản lạnh 2%, 32 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7260	Thực phẩm có thể bảo quản lâu Ravioli Phô mai với Sốt Cà chua Húng quế Miss Olive's, 7 oz.	1 đơn vị	\$6.50
7261	Thực phẩm có thể bảo quản lâu Mì Ý gà Parmesan với Sốt Cà chua Miss Olive's, 7 oz.	1 đơn vị	\$6.50
7262	Thực phẩm có thể bảo quản lâu Gà kiểu Creole với Cơm gạo lứt Miss Olive's, 7oz.	1 đơn vị	\$6.50
7263	Thực phẩm có thể bảo quản lâu Đậu lăng & Thịt bò kèm Rau củ Miss Olive's, 7 oz.	1 đơn vị	\$6.50
7264	Thực phẩm có thể bảo quản lâu Mì Ý Fagioli với Đậu Miss Olive's, 7 oz.	1 đơn vị	\$6.50
7265	Thực phẩm có thể bảo quản lâu Bát Đậu và Ngũ cốc kiểu Tây Nam Miss Olive's, 7 oz.	1 đơn vị	\$6.50
7041	Hỗn hợp Hạt, 5 oz.	1 đơn vị	\$7.00
7161	Hỗn hợp Rau, 15 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7299	Sốt táo Mott's®, 24 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7230	Hỗn hợp Bánh nướng xốp, Quả việt quất, 7 oz.	1 đơn vị	\$3.00
7193	Hỗn hợp Bánh nướng xốp, Ngô, 8 oz.	1 đơn vị	\$3.00
7201	Nấm, 4.5 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7300	Bánh quy Nabisco Ritz, 13 oz.	1 đơn vị	\$8.00
7301	Bánh quy Nabisco Wheat Thins, 8.5 oz.	1 đơn vị	\$8.75
7134	Thanh Ngũ cốc Nature Valley™	12 đơn vị	\$7.50
7228	Nutella®, 7 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7258	Thức uống dinh dưỡng vị Sô-cô-la, 8 oz.	24 đơn vị	\$75.00
7259	Thức uống dinh dưỡng vị Vani, 8 oz.	24 đơn vị	\$75.00

Xin lưu ý rằng các mức giá nêu trên không bao gồm thuế bán hàng.

Mục #	Mô tả	Đếm	Giá
Thực phẩm			
7135	Bột yến mạch, Dạng gói ăn liền	10 đơn vị	\$8.00
7044	Yến mạch, Kiểu cũ, 42 oz.	1 đơn vị	\$9.00
7181	Ô-liu, 6 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7169	Bột Hành tây, 2.75 oz.	1 đơn vị	\$3.00
7219	Oregano, 1 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7182	Hỗn hợp Bánh kẹp, 16 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7187	Sirô Bánh kẹp, 12 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7215	Ớt bột Paprika, 2 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7204	Phô mai Parmesan, 8 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7053	Mì ống, Spaghetti, 16 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7054	Mì ống, Spaghetti, Không có Gluten, 12 oz.	1 đơn vị	\$6.00
7055	Mì ống, Ziti, 16 oz.	1 đơn vị	\$3.00
7056	Đào, Cắt lát, 8.5 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7057	Bơ Đậu phộng, Dạng kem, 16 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7058	Bơ Đậu phộng, Loại giòn, 16 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7059	Lê cắt nửa, 15 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7137	Đậu Hà Lan, 8.5 oz.	1 đơn vị	\$2.50
7061	Dứa, Cắt lát, 8 oz.	1 đơn vị	\$3.75
7062	Đậu Pinto, 16 oz.	1 đơn vị	\$2.50
7302	Hạt điều Planters® Loại hạt vụn và Hạt nửa, 8 oz.	1 đơn vị	\$12.00
7063	Khoai tây, Cắt hạt lựu, 15 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7175	Mận Khô, 16 oz.	1 đơn vị	\$11.00
7065	Bí ngô, Đóng hộp, 15 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7066	Nho khô Bran®, 16 oz.	1 đơn vị	\$6.50
7173	Nho khô, 9 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7158	Súp mì Ramen, 3 oz.	1 đơn vị	\$1.75
7068	Đậu Thận Đỏ, 15 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7138	Bánh gạo Krispies, 12 oz.	1 đơn vị	\$7.00
7009	Gạo, Nâu, 28 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7072	Gạo, Trắng, 28 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7162	Gạo, Vàng, 16 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7227	Hương thảo, 1 oz.	1 đơn vị	\$3.50

Xin lưu ý rằng các mức giá nêu trên không bao gồm thuế bán hàng.

Mục #	Mô tả	Đếm	Giá
Thực phẩm			
7209	Nước sốt Salad, kiểu Pháp, 16 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7074	Nước sốt Salad, kiểu Ý, 16 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7076	Nước sốt Salad, dạng Kem, 16 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7077	Cá hồi, Đóng hộp, 14.75 oz.	1 đơn vị	\$10.00
7184	Muối & Tiêu	1 đơn vị	\$5.50
7165	Chất thay thế Muối, 3 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7141	Bánh quy Kẹp, vị phô mai Cheddar	8 gói	\$6.00
7078	Cá mòi, 4.4 oz.	1 đơn vị	\$4.00
7239	Hỗn hợp Gia vị, Không Muối, 2.5 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7303	Cốc pudding Snack Pack® Vị Sô-cô-la, 3.5 oz.	4 đơn vị	\$4.50
7304	Cốc pudding Snack Pack® Vị Bột bánh, 3.5 oz.	4 đơn vị	\$4.50
7305	Cốc Pudding Snack Pack® Vị Vani, 3.5 oz.	4 đơn vị	\$4.50
7210	Soda Crackers, 8 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7166	Súp Bouillon, Bò	6 đơn vị	\$2.50
7167	Súp Bouillon, Gà	6 đơn vị	\$2.50
7163	Nước tương, 10 oz.	1 đơn vị	\$3.50
7107	Sốt Spaghetti, 24 oz.	1 đơn vị	\$5.00
7224	Spam®, 12 oz.	1 đơn vị	\$6.50
7238	Cải bó xôi, 13 oz.	1 đơn vị	\$4.00
7081	Splenda®, 1.75 oz.	1 đơn vị	\$6.50
7306	Cá ngừ StarKist® miếng nhỏ ngâm nước, hộp 5 oz.	1 đơn vị	\$3.75
7109	Bít-tết & Súp Rau củ, 18.8 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7236	Sốt Bít-tết, 5 oz.	1 đơn vị	\$4.75
7085	Chất tạo ngọt Stevia In The Raw®, 3.5 oz.	1 đơn vị	\$8.00
7016	Hỗn hợp Nhân nhồi, 6 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7087	Trà Túi lọc	100 đơn vị	\$6.00
7088	Trà Túi lọc, Khử caffein	48 đơn vị	\$10.00
4470	Chất làm đặc cho Thực phẩm và Đồ uống Thick-It®, 10 oz.	1 đơn vị	\$11.00
7089	Cà chua Cô đặc, 12 oz.	1 đơn vị	\$3.00
7090	Cà chua, Nghiền, 15 oz.	1 đơn vị	\$4.00
7091	Cà chua, Cắt hạt lựu, 14.5 oz.	1 đơn vị	\$3.00
7140	Hỗn hợp hạt và trái cây khô Trail Mix, 16 oz.	1 đơn vị	\$9.00

Xin lưu ý rằng các mức giá nêu trên không bao gồm thuế bán hàng.

Mục #	Mô tả	Đếm	Giá
Thực phẩm			
7307	Bánh quy Triscuit, 8.5 oz.	1 đơn vị	\$7.50
4444	Rau Turnip, 14 oz.	1 đơn vị	\$4.50
7221	Dầu Thực vật, 16 oz.	1 đơn vị	\$6.50
7308	Mì Velveeta® Shells và Phô mai, 12 oz.	1 đơn vị	\$5.25
7101	Xúc-xích Vienna, 4.6 oz.	1 đơn vị	\$2.50
7142	Bánh quy Lúa mì, 9 oz.	1 đơn vị	\$5.50
7309	Nước sốt Salad Ý Wish-Bone®, 15 oz.	1 đơn vị	\$6.75
7310	Nước sốt Salad Ranch Wish-Bone®, 15 oz.	1 đơn vị	\$6.75
7095	Khoai, 29 oz.	1 đơn vị	\$6.00
7096	Mù-tạt Vàng, 8 oz.	1 đơn vị	\$3.00

Xin lưu ý rằng các mức giá nêu trên không bao gồm thuế bán hàng.

Mục #	Mô tả	Nội dung mẫu		Giá
Sản phẩm tươi				
10007	Tất cả các loại trái cây	Táo Mận	Cam Lê	\$45.00
10006	Tất Cả Rau	Cà rốt Ớt xanh Rau diếp Iceberg Hành tây	Khoai tây Đậu tuyết Quả bí	\$45.00
10009	Ẩm thực lấy Cảm hứng từ châu Á	Củ gừng Cà tím Trung Quốc Bắp cải Napa	Hành tây Bí đao Cải thìa	\$60.00
10012	Ăn vặt Lành mạnh	Táo Rau cần tây Dưa chuột Ớt xanh	Cam Lê Đậu tuyết	\$45.00
10014	Ẩm thực lấy Cảm hứng từ La-tinh	Quả bơ Cà rốt Ớt Chile Dưa chuột Ớt xanh	Chanh xanh Hành tây Khoai tây Cà chua	\$50.00
10005	Rau Củ Quả Tổng Hợp	Táo Dưa chuột Ớt xanh	Cam Lê Xà lách Romaine	\$45.00
10008	Rau Củ Quả Tổng Hợp 2	Táo Cà rốt Ớt xanh	Lê Khoai tây	\$45.00

Các mặt hàng sản xuất được liệt kê chỉ là ví dụ. Các mặt hàng cuối cùng được chọn dựa trên tính thời vụ và tính bền vững và có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Giá có thể được điều chỉnh để phản ánh những thay đổi trong điều kiện thị trường.

Danh sách sản phẩm này có thể thay đổi. Các mặt hàng, số lượng, kích thước và giá trị có thể thay đổi tùy thuộc vào tình trạng sẵn có. Thông tin này không phải là một bản mô tả đầy đủ về các quyền lợi. Các mặt hàng có thể thay đổi tùy theo nhà sản xuất và tình trạng sẵn có. Các mặt hàng có thể được thêm vào hoặc gỡ bỏ bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Tên thương hiệu của các mặt hàng là nhãn hiệu của mỗi công ty. Giá các mặt hàng có thể thay đổi theo từng năm. Vui lòng xem lại nhãn sản phẩm và tham khảo ý kiến bác sĩ của quý vị khi có bất kỳ thắc mắc nào về sức khỏe hoặc y tế. Để xem phiên bản cập nhật nhất của danh mục, hãy truy cập Cổng thông tin Benefits Pro® của quý vị. NationsBenefits bảo lưu quyền hạn chế số lượng các mặt hàng được phân phát.

Loại trừ rượu/bia, thuốc lá, và các mặt hàng phi thực phẩm. Mạng lưới của chúng tôi còn có các đại lý bán lẻ khác.

Trang này được để trống có chủ ý.



PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG Nhanh nhất

Đặt hàng trực tuyến qua **Cổng thông tin Benefits Pro®** của quý vị tại **CleverCare.NationsBenefits.com** hoặc quét mã QR này bằng máy ảnh trên điện thoại thông minh của quý vị.



Tải ứng dụng **Benefits Pro®** xuống thiết bị di động của quý vị



Điền thông tin của quý vị để đặt hàng qua đường bưu điện

Đối với các đơn hàng qua đường bưu điện, hãy điền thông tin dưới đây và sử dụng mặt sau của mẫu này để đặt hàng sản phẩm. Đơn hàng qua đường bưu điện sẽ được xử lý trong 5-7 ngày.

Chỉ có biểu mẫu này sẽ được sử dụng cho các đơn đặt hàng. Các biểu mẫu thay thế hoặc không chuẩn sẽ không được chấp nhận và sẽ dẫn đến việc quý vị không đặt được đơn hàng. Để đảm bảo đơn hàng của quý vị được xử lý chính xác, vui lòng viết **RÕ RÀNG** và CHỈ sử dụng **MỰC ĐEN**.

ID Thành viên

Ngày sinh

Tên

Họ

Số Đường phố

Tên Đường phố

Số Nhà/Căn hộ

Thành phố

Tiểu bang

Mã ZIP

Điện thoại

Email

Gửi đơn đặt hàng đã hoàn chỉnh bằng cách sử dụng phong bì đã trả bưu phí đến:

NationsBenefits
1700 N. University Drive
Plantation, FL 33322

Tôi hiểu rằng các số điện thoại và/hoặc email tôi cung cấp trong biểu mẫu này có thể được NationsBenefits hoặc bất kỳ bên nào trong hợp đồng của họ sử dụng để liên hệ với tôi về tài khoản, chương trình quyền lợi sức khỏe của tôi hoặc các chương trình liên quan hoặc các dịch vụ được cung cấp cho tôi.

QUAN TRỌNG: Do cần thêm thời gian để nhận yêu cầu của quý vị qua đường bưu điện, chúng tôi khuyến khích quý vị dành thêm thời gian khi đặt hàng. Đơn hàng của quý vị sẽ được xử lý trong thời hạn quyền lợi mà đơn hàng nhận được. Nếu quý vị muốn đơn đặt hàng của mình được áp dụng cho giai đoạn quyền lợi hiện tại, chúng tôi khuyên quý vị nên đặt hàng trực tuyến hoặc qua điện thoại.

Đặt mua sản phẩm của quý vị

0000-00000-00

Đặt mua sản phẩm của quý vị

0000-00000-00

Đặt mua sản phẩm của quý vị

0000-00000-00

Đặt mua sản phẩm của quý vị

0000-00000-00

Notice Of Availability

English: ATTENTION: If you speak English, free language assistance services are available to you.

Appropriate auxiliary aids and services to provide information in accessible formats are also available free of charge. Call 1-833-388-8168 (TTY: 711) or speak to your provider.

Español: ATENCIÓN: Si habla español, tiene a su disposición servicios gratuitos de asistencia lingüística. También están disponibles de forma gratuita ayuda y servicios auxiliares apropiados para proporcionar información en formatos accesibles. Llame al 1-833-388-8168 (TTY: 711) o hable con su proveedor.

Tagalog: PAALALA: Kung nagsasalita ka ng Tagalog, magagamit mo ang mga libreng serbisyong tulong sa wika. Magagamit din nang libre ang mga naaangkop na auxiliary na tulong at serbisyo upang magbigay ng impormasyon sa mga naa-access na format. Tumawag sa 1-833-388-8168 (TTY: 711) o makipag-usap sa iyong provider.

中文: 注意: 如果您说[中文], 我们将免费为您提供语言协助服务。我们还免费提供适当的辅助工具和服务, 以无障碍格式提供信息。致电 1-833-808-8153 (国语) / 1-833-808-8161 (粤语) (TTY: 711) 或咨询您的服务提供商。

台語: 注意: 如果您說[台語], 我們可以為您提供免費語言協助服務。也可以免費提供適當的輔助工具與服務, 以無障礙格式提供資訊。請致電 1-833-808-8153 (國語) / 1-833-808-8161 (粵語) (TTY: 711) 或與您的提供者討論。

Việt: LƯU Ý: Nếu bạn nói tiếng Việt, chúng tôi cung cấp miễn phí các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ. Các hỗ trợ dịch vụ phù hợp để cung cấp thông tin theo các định dạng dễ tiếp cận cũng được cung cấp miễn phí. Vui lòng gọi theo số 1-833-808-8163 (Người khuyết tật: 711) hoặc trao đổi với người cung cấp dịch vụ của bạn.

한국어: 주의: [한국어]를 사용하시는 경우 무료 언어 지원 서비스를 이용하실 수 있습니다. 이용 가능한 형식으로 정보를 제공하는 적절한 보조 기구 및 서비스도 무료로 제공됩니다. 1-833-808-8164 (TTY: 711)번으로 전화하거나 서비스 제공업체에 문의하십시오.

ՀԱՅԵՐԵՆ: ՈՒՇԱԴՐՈՒԹՅՈՒՆ. Եթե խոսում եք հայերեն, Դուք կարող եք օգտվել լեզվական աջակցության անվճար ծառայություններից: Մատչելի ձևաչափերով տեղեկատվություն տրամադրելու համապատասխան օժանդակ միջոցներն ու ծառայությունները նույնպես տրամադրվում են անվճար: Չանգահարեք 1-833-388-8168 հեռախոսահամարով (TTY` 711) կամ խոսեք Ձեր մատակարարի հետ:

РУССКИЙ: ВНИМАНИЕ: Если вы говорите на русский, вам доступны бесплатные услуги языковой поддержки. Соответствующие вспомогательные средства и услуги по предоставлению информации в доступных форматах также предоставляются бесплатно. Позвоните по телефону 1-833-388-8168 (TTY: 711) или обратитесь к своему поставщику услуг.

فارسی

توجه: اگر فارسی صحبت می کنید، خدمات پشتیبانی زبانی رایگان در دسترس شما قرار دارد. همچنین کمک ها و خدمات پشتیبانی مناسب برای ارائه اطلاعات در قالب های قابل دسترس، به طور رایگان موجود می باشند. با شماره 1-833-388-8168 (تله تایپ: 711) تماس بگیرید یا با ارائه دهنده خود صحبت کنید.

العربية

تنبيه: إذا كنت تتحدث اللغة العربية، فستتوفر لك خدمات المساعدة اللغوية المجانية. كما تتوفر وسائل مساعدة وخدمات مناسبة لتوفير المعلومات بتنسيقات يمكن الوصول إليها مجانًا. اتصل على الرقم 1-833-388-8168 (TTY: 711) أو تحدث إلى مقدم الخدمة.

ភាសាខ្មែរ: សូមយកចិត្តទុកដាក់៖ ប្រសិនបើអ្នកនិយាយ ភាសាខ្មែរសេវាកម្មជំនួយភាសា ឥតគិតថ្លៃគឺមានសម្រាប់អ្នក។ ជំនួយ និងសេវាកម្មដែលជាការជួយដ៏សមរម្យ ក្នុងការផ្តល់ព័ត៌មានតាមទម្រង់ដែលអាចចូលប្រើប្រាស់បាន ក៏អាចរកបាន ដោយឥតគិតថ្លៃផងដែរ។ ហៅទូរសព្ទទៅ 1-833-388-8168 (TTY: 711) ឬនិយាយទៅកាន់អ្នកផ្តល់សេវារបស់អ្នក។

日本語: 注: 日本語を話される場合、無料の言語支援サービスをご利用いただけます。アクセシブル(誰もが利用できるよう配慮された)な形式で情報を提供するための適切な補助支援やサービスも無料でご利用いただけます。1-833-388-8168 (TTY: 711) までお電話ください。または、ご利用の事業者にご相談ください。

ਪੰਜਾਬੀ: ਧਿਆਨ ਦਿਓ: ਜੇ ਤੁਸੀਂ ਪੰਜਾਬੀ ਬੋਲਦੇ ਹੋ, ਤਾਂ ਤੁਹਾਡੇ ਲਈ ਮੁਫਤ ਭਾਸ਼ਾ ਸਹਾਇਤਾ ਸੇਵਾਵਾਂ ਉਪਲਬਧ ਹੁੰਦੀਆਂ ਹਨ। ਪਹੁੰਚਯੋਗ ਫਾਰਮੈਟਾਂ ਵਿੱਚ ਜਾਣਕਾਰੀ ਪ੍ਰਦਾਨ ਕਰਨ ਲਈ ਢੁਕਵੇਂ ਪੂਰਕ ਸਹਾਇਕ ਸਾਧਨ ਅਤੇ ਸੇਵਾਵਾਂ ਵੀ ਮੁਫਤ ਵਿੱਚ ਉਪਲਬਧ ਹੁੰਦੀਆਂ ਹਨ। 1-833-388-8168 (TTY: 711) 'ਤੇ ਕਾਲ ਕਰੋ ਜਾਂ ਆਪਣੇ ਪ੍ਰਦਾਤਾ ਨਾਲ ਗੱਲ ਕਰੋ।

ไทย: หมายเหตุ: หากคุณใช้ภาษาไทย เรามีบริการความช่วยเหลือด้านภาษาฟรี นอกจากนี้ ยังมีเครื่องมือและบริการช่วยเหลือเพื่อให้ข้อมูลในรูปแบบที่เข้าถึงได้โดยไม่เสียค่าใช้จ่าย โปรดโทรติดต่อ 1-833-388-8168 (TTY: 711) หรือปรึกษาผู้ให้บริการของคุณ

Lus Hmoob: LUS CEEV TSHWJ XEEB: Yog hais tias koj hais Lus Hmoob muaj cov kev pab cuam txhais lus pub dawb rau koj. Cov kev pab thiab cov kev pab cuam ntxiv uas tsim nyog txhawm rau muab lus qhia paub ua cov hom ntaub ntawv uas tuaj yeem nkag cuag tau rau los kuj yeej tseem muaj pab dawb tsis xam tus nqi dab tsi ib yam nkaus. Hu rau 1-833-388-8168 (TTY: 711) los sis sib tham nrog koj tus kws muab kev saib xyuas kho mob.

Quy Định về Không Phân Biệt Đối Xử và Khả Năng Tiếp Cận

Phân Biệt Đối Xử là Vi Phạm Pháp Luật

Clever Care Health Plan Inc. (sau đây được gọi là Clever Care), tuân thủ luật dân quyền Liên Bang hiện hành và không phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, tình trạng khuyết tật, giới tính. Clever Care không loại trừ mọi người hoặc đối xử với họ khác nhau vì chủng tộc, màu da, quốc gia, nguồn gốc, tuổi tác, khuyết tật hoặc giới tính (bao gồm cả việc mang thai, xu hướng tình dục và bản dạng giới).

Clever Care:

- Cung cấp hỗ trợ và dịch vụ miễn phí cho người khuyết tật để giao tiếp hiệu quả với chúng tôi, chẳng hạn như:
 - Thông dịch viên ngôn ngữ ký hiệu có trình độ
 - Thông tin văn bản ở các định dạng khác (bản in cỡ lớn, băng âm thanh, các định dạng điện tử có thể truy cập được, các định dạng khác)
- Cung cấp các dịch vụ ngôn ngữ miễn phí cho những người có ngôn ngữ chính không phải là tiếng Anh, chẳng hạn như:
 - Thông dịch viên có trình độ
 - Thông tin được viết bằng các ngôn ngữ khác

Nếu quý vị cần những dịch vụ này, vui lòng gọi số (833) 808-8163 (TTY: 711).

Nếu quý vị tin rằng Clever Care đã không cung cấp những dịch vụ này hoặc bị phân biệt đối xử theo một cách khác dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, tình trạng khuyết tật hoặc giới tính (bao gồm cả việc mang thai, xu hướng tình dục và bản dạng giới), quý vị có thể gửi đơn khiếu nại bằng văn bản cho chúng tôi:

Clever Care Health Plan
Attn: Civil Rights Coordinator
7711 Center Ave
Suite 100
Huntington Beach CA 92647

E-mail: civilrightscordinator@ccmapd.com

Fax: (657) 276-4721

Quý vị có thể nộp đơn khiếu nại qua thư, fax hoặc email. Nếu quý vị cần trợ giúp trong việc nộp đơn khiếu nại, Điều Phối Viên Dân Quyền của Clever Care luôn sẵn sàng trợ giúp quý vị.

Quý vị cũng có thể lập hồ sơ khiếu nại về quyền công dân với Phòng Dân Quyền, Bộ Y Tế và Dịch Vụ Nhân Sinh Hoa Kỳ trực tuyến tại Cổng Thông Tin Khiếu Nại Phòng Dân Quyền tại <https://ocrportal.hhs.gov/ocr/portal/lobby.jsf> hoặc qua thư hay qua điện thoại tới: U.S. Department of Health and Human Services, 200 Independence Avenue SW., Room 509F, HHH Building, Washington, D.C. 20201, 1-800-368-1019, 800-537-7697 (TDD). Biểu mẫu khiếu nại có sẵn tại <http://www.hhs.gov/ocr/office/file/index.html>.

Lưu ý:

Quý vị có thể sử dụng trang này để ghi lại thông tin hữu ích cho các đơn đặt hàng trong tương lai như số mặt hàng, mô tả sản phẩm, và bất kỳ câu hỏi nào quý vị có thể muốn hỏi Cố vấn Trải nghiệm Thành viên trong cuộc gọi tiếp theo.

1700 N. University Drive
Plantation, FL 33322

Hãy bắt đầu ngay hôm nay!



Truy cập trực tuyến tại
CleverCare.
NationsBenefits.com



Tải
Ứng dụng Benefits Pro[®]
xuống thiết bị di động của
quý vị



Gọi cho chúng tôi theo số
888-441-5976
(TTY: 711)



Hoàn thành và gửi
đơn đặt hàng tới
NationsBenefits



Nếu quý vị có bất kỳ thắc mắc nào hoặc cần trợ giúp đặt hàng, chúng tôi luôn sẵn sàng hỗ trợ quý vị.
Các Đại diện Dịch vụ Thành viên làm việc từ: Ngày 1 Tháng Mười - Ngày 31 Tháng Ba từ 8 giờ sáng-8 giờ tối bảy ngày trong tuần Ngày
1 Tháng Tư - Ngày 30 Tháng Chín từ 8 giờ sáng-8 giờ tối Thứ Hai-Thứ Sáu. Dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ có sẵn và miễn phí nếu cần.